

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Công văn số 6569/UBND-KTTH ngày 05/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nội dung các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh và ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Quán triệt, nâng cao nhận thức và triển khai kịp thời, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023, Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 6569/UBND-KTTH ngày 05/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Yêu cầu

- Huy động, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; thu hút đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp.

- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi, Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương, doanh nghiệp. Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện Quyết định 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Nội dung triển khai

1. Phổ biến, quán triệt nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các nội dung của Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023, Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày

01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Chủ động khai thác, nghiên cứu hồ sơ Quy hoạch và các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh để phục vụ công tác quản lý và triển khai thực hiện. Đồng thời, triển khai các giải pháp, các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các nội dung Quy hoạch tỉnh thông qua nhiều hình thức để người dân, cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước được biết để tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư; tạo sự đồng thuận, tham gia thực hiện và giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện các quy hoạch trên địa bàn tỉnh.

2. Xác định sự phù hợp của Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ) đối với các chương trình, dự án, đề xuất đầu tư liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp

a) Xây dựng Kế hoạch thực hiện Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, phòng chống thiên tai

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, phòng chống thiên tai đến năm 2030 thuộc Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Phương án phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai, bao gồm danh mục các công trình, dự án ưu tiên đầu tư để hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi, đê, kè phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ công trình và phi công trình ưu tiên triển khai thực hiện các chính sách pháp luật về thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện.

b) Xây dựng Kế hoạch thực hiện Phương án cấp nước sạch nông thôn đến năm 2030

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch thực hiện Phương án cấp nước sạch nông thôn đến năm 2030 thuộc Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, xây dựng cụ thể lộ trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Phương án cấp nước sạch nông thôn, bao gồm danh mục các công trình, dự án ưu tiên đầu tư, kết hợp với nâng cấp, sửa chữa một số công trình hiện có để tạo thành cụm công trình hoạt động hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ công trình và phi công trình ưu tiên triển khai thực hiện các chính sách pháp luật về cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện.

c) Phương án quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; phương án quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050: Tham mưu UBND tỉnh: Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày

12/6/2024 Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Tham mưu UBND tỉnh đầu tư hoàn thiện hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá theo Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Huy động tối đa nguồn lực từ các thành phần kinh tế, tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế trong đầu tư xây dựng và quản lý hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

3. Rà soát, đối chiếu nội dung Quy hoạch tỉnh với nội dung Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 389/QĐ-TTg ngày 09/5/2024; Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 03/7/2024; Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024. Điều chỉnh, xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án thủy sản, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các Quy hoạch, tham mưu UBND tỉnh xem xét, phê duyệt làm cơ sở triển khai các dự án ưu tiên thực hiện Quy hoạch thời kỳ 2021-2030 đảm bảo đúng quy định.

4. Thực hiện Quy hoạch vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo Luật Thú y năm 2015

Xác định vùng và cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, tích hợp vào quy hoạch cấp tỉnh và tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Thú y, Luật Quy hoạch, xác định rõ các vùng cần xây dựng để đạt an toàn dịch bệnh theo quy định của Luật Thú y. Quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch, bảo đảm phù hợp, sát thực tế để hướng đến xuất khẩu, đặc biệt về các cơ chế chính sách để đảm bảo kinh phí hoạt động hiệu quả. Tập huấn nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về chăn nuôi an toàn dịch bệnh; thông tin truyền thông phổ biến kiến thức về an toàn dịch bệnh tạo nhận thức chung của cộng đồng.

Tăng cường quản lý chăn nuôi trong vùng bảo đảm an toàn dịch bệnh và giai đoạn đầu chủ động phòng bệnh bằng vắc xin. Tổ chức chủ động giám sát chứng minh bảo đảm an toàn thực phẩm tại các vùng an toàn dịch bệnh; kiểm soát động vật, sản phẩm động vật ra, vào vùng an toàn dịch bệnh; đặc biệt kiểm soát nghiêm ngặt các trường hợp vận chuyển vào vùng an toàn dịch bệnh; kiểm soát giết mổ động vật và kiểm tra vệ sinh thú y; kịp thời phát hiện động vật được vận chuyển từ bên ngoài vào vùng an toàn dịch bệnh để giết mổ, tiêu thụ. Tổ chức thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu bảo đảm yêu cầu truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật; có kế hoạch dự phòng để ứng phó trong trường hợp phát hiện mầm bệnh, động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh.

5. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.

a) Lĩnh vực trồng trọt

Cơ cấu lại sản xuất trong lĩnh vực trồng trọt theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng cây ăn quả, rau; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường. Có bước đi phù hợp để thúc đẩy phát triển các cây trồng mới có triển vọng như cây dược liệu, cây cảnh, nấm ăn... Tập trung phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, năng suất cao, giá trị lớn để đáp ứng nhu cầu thị trường và phục vụ du lịch.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Đảm bảo các nhu cầu thiết yếu về thực phẩm cho thị trường trong và ngoài tỉnh; phát triển các ngành hàng có tiềm năng và thị trường như thịt gia cầm, trứng, sữa; duy trì chăn nuôi lợn và gia súc lớn. Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi bản địa, đặc sản có giá trị cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bền vững môi trường, an toàn sinh học và dịch bệnh. Phát triển chăn nuôi áp dụng công nghệ cao tại các trang trại và các doanh nghiệp lớn, đồng thời khuyến khích chăn nuôi hộ truyền thống có cải tiến theo hướng chuyên nghiệp hóa, chăn nuôi hữu cơ. Xây dựng các vùng chăn nuôi tập trung xa nơi dân cư tập trung, thuận lợi cho xử lý môi trường và phòng chống dịch bệnh. Quản lý và sử dụng hiệu quả chất thải chăn nuôi, nghiên cứu phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong chăn nuôi.

c) Lĩnh vực thủy sản

- Phát triển ngành nuôi thủy sản theo hướng nuôi tập trung công nghiệp, áp dụng công nghệ hiện đại, công nghệ cao với các cơ sở sản xuất quy mô lớn và đối với hộ quy mô nhỏ lẻ thì áp dụng công nghệ cải tiến, nuôi hữu cơ, phối hợp nuôi lồng bè, ao hồ tập trung và luân canh/xen canh... Ứng dụng công nghệ hướng đến tái tạo nước thải nuôi trồng, chế biến thủy sản, giảm sức ép lên môi trường. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi phục vụ thủy sản tại các vùng nuôi chuyên canh. Tổ chức liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp sản xuất lớn và hộ nông dân sản xuất nhỏ thông qua phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ quyền lợi chính đáng của người sản xuất. Chủ động trong việc cung ứng các đầu vào thiết yếu (giống, thức ăn, thuốc) và chế biến thủy sản. Cùng cố phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển trở thành một ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, hiệu quả, bền vững, gắn với phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh, quốc phòng.

- Phát triển khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác, cân đối với trữ lượng nguồn lợi thủy sản, tái bố trí sinh kế của cộng đồng ngư dân sang phát triển nuôi trồng, chế biến thủy sản, dịch vụ du lịch... Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lộng, vùng ven biển và khai thác thủy sản nội địa hợp lý.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp

Quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển bền vững hiệu quả diện tích rừng phòng hộ, rừng tự nhiên và rừng sản xuất hiện có. Bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học, góp phần giảm thiểu tác hại do thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích doanh nghiệp liên kết với chủ rừng trồng rừng sản xuất gỗ lớn, trồng cây phân tán gỗ lớn giá trị kinh tế để nâng cao thu nhập cho người dân. Nhân rộng mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng; phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ. Thực hiện các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống người dân sống gần rừng, sống bằng nghề rừng; đổi mới mô hình tăng trưởng từ dựa vào mở rộng diện tích và khối lượng sang tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Triển khai hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững. Kiện toàn, thành lập các hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động lâm nghiệp nhằm thực hiện liên kết giữa người trồng rừng với trồng rừng để quản lý rừng bền vững; liên kết hợp tác theo chuỗi giá trị giữa chủ rừng và doanh nghiệp chế biến.

e) Lĩnh vực thủy lợi

- Hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm cấp nước chủ động cho diện tích đất trồng lúa 2 vụ; bảo đảm nguồn nước cấp cho diện tích các cây trồng cạn có hiệu quả kinh tế cao, nuôi trồng thủy sản thâm canh tập trung theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; giải quyết nguồn nước cho các vùng khó khăn, khan hiếm nguồn nước và đảo Lý Sơn. Tăng diện tích tiêu thoát nước chủ động ra sông chính, giải quyết tiêu thoát nước ở vùng thấp trũng phục vụ dân sinh, nông nghiệp; cơ bản giải quyết ngập lụt, úng cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu dân cư nông thôn và các hoạt động sản xuất khác; bảo vệ, ngăn chặn ô nhiễm nước trong hệ thống công trình thủy lợi.

- Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, xói lở bờ sông, bờ biển, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du đập, hồ chứa nước thủy lợi, kết hợp hài hòa giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình.

g) Phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- Huy động, lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội ở cấp xã, thôn. Nâng cao chất lượng công tác quản lý để sử dụng có hiệu quả nguồn lực đầu tư. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn đầu tư, tránh để mất vốn, kiên quyết không làm phát sinh nợ đọng trong xây dựng nông thôn mới.

- Triển khai chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đào tạo nghề có địa chỉ sử dụng lao động; đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và

xây dựng nông thôn mới.

6. Nghiên cứu, tham mưu cơ chế, chính sách phát triển sản phẩm chủ lực, đặc sản theo quy trình sản xuất tiên tiến, sản xuất theo chuỗi giá trị và các chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp, vùng chăn nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung tại các địa phương phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

7. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với xây dựng và quản bá thương hiệu

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Định hướng giai đoạn 2026-2030

Đến năm 2030, có trên 82% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó: có trên 44% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 12% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 07 huyện đạt chuẩn/hoàn thành xây dựng nông thôn mới, có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Rà soát, tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và xây dựng chính sách giai đoạn 2026-2030 phù hợp với tình hình thực tế, thiết thực và hiệu quả.

Đối với các huyện, thị xã, thành phố: Triển khai công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện và giữ vững các tiêu chí về giáo dục, y tế, môi trường, an ninh trật tự, thu nhập,... để thực hiện đạt mục tiêu chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030. Tiếp tục huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác để đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội; tăng cường các hình thức xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động bảo vệ và xử lý môi trường, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, nước sạch, văn hóa thể thao.

b) Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

- Mục tiêu Giai đoạn 2025 – 2030

Phấn đấu mỗi năm có thêm 50 sản phẩm đạt OCOP từ 3-5 sao, trong đó có khoảng 1 - 3 sản phẩm có tiềm năng đạt 4-5 sao. Duy trì trên 85% sản phẩm OCOP đã đạt từ 3 sao trở lên giai đoạn 2021 – 2025, nâng hạng khoảng 10% sản phẩm đạt 4 sao trở lên. Phấn đấu đạt 10% chủ thể OCOP có sản phẩm đạt từ 3 sao trở lên thực hiện mô hình theo chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định.

Củng cố, phát triển, nâng cao năng lực khoảng 100 chủ thể tham gia phát triển, sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP. Trên 85% chủ thể OCOP

được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực phát triển, sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP. Ít nhất 10% -15% chủ thể OCOP có sản phẩm đạt 3 sao trở lên là hợp tác xã.

- Định hướng, tầm nhìn đến năm 2050

Củng cố, duy trì sản phẩm đã phát triển trong giai đoạn 2025-2030; nâng cấp khoảng 30% sản phẩm đạt 3 sao lên 4 sao, trong đó có khoảng 1% - 2% đạt sản phẩm 5 sao; phát triển 200 chủ thể sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm OCOP, trong đó có 20% - 30% là hợp tác xã.

Phấn đấu đến năm 2050, hình thành nền sản xuất nông nghiệp mang đậm nét văn hóa OCOP, các tiêu chí OCOP trở thành phổ biến, cơ sở sản xuất tự ý thức, tự giác thực hiện Chương trình OCOP vì quyền lợi của chính cơ sở.

- Nhiệm vụ, giải pháp:

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của Chương trình OCOP gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Các cơ quan liên quan tiếp tục hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả một số chính sách về hỗ trợ phát triển sản phẩm khu vực nông thôn như: Phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển hợp tác xã,... và nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP trong thời gian đến.

8. Xây dựng hình thành các vùng rừng nguyên liệu gỗ lớn, năng suất cao, hỗ trợ các doanh nghiệp và chủ rừng hình thành các chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp phục vụ chế biến và xuất khẩu

- Tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch, các dự án trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024; nhằm đảm bảo trong quá trình triển khai các quy hoạch, kế hoạch, dự án liên quan phải đảm bảo tích hợp đồng bộ với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, đáp ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

Tổ chức triển khai có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về liên kết sản xuất trong lĩnh vực lâm nghiệp; đồng thời, chủ động, sẵn sàng phối hợp với các bộ ngành trung ương; các Sở ban ngành, chính quyền các địa phương tiếp nhận, tham gia các dự án của bộ ngành trung ương đề xuất theo quy định.

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao để trồng rừng¹; tác động làm thay đổi thói quen, tập quán canh tác từ kinh doanh gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn có

¹ Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 16/4/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền, hướng dẫn các chủ rừng sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao; áp dụng biện pháp trồng rừng thâm canh gỗ lớn, gỗ có chứng nhận quản lý rừng bền vững, không khai thác rừng non trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025

chứng nhận quản lý rừng bền vững, khuyến khích kéo dài chu kỳ kinh doanh tại một số khu vực lên trên 7 năm.

Tiếp tục hướng dẫn sự liên kết, hợp tác giữa chủ rừng với các thành phần kinh tế, kinh tế hợp tác theo hướng chia sẻ, công khai, minh bạch, đôi bên cùng có lợi, cùng phát triển; khuyến khích các chủ rừng liên kết với nhau để hình thành, phát triển theo các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã trong lĩnh vực lâm nghiệp nhằm tạo sự lan tỏa; phấn đấu đến năm 2030 đạt trên 40.000 ha rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững, góp phần hình thành vùng nguyên liệu gỗ có nguồn gốc, xuất xứ, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu gỗ lớn cho sản xuất, chế biến của các nhà máy trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ chất lượng nguồn gốc giống cây trồng lâm nghiệp đảm bảo theo quy định; Thực hiện kiểm tra các doanh nghiệp liên kết với các chủ rừng, nhất là việc thực hiện nội dung liên kết để xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

9. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành, địa phương giải quyết khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án sản xuất lĩnh vực nông nghiệp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoạt động hiệu quả. Phối hợp tổ chức thu hút các dự án đầu tư mới vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, trọng tâm là các dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện địa, bảo vệ môi trường và phát huy được thế mạnh của tỉnh về nông nghiệp như các dự án chế biến lâm sản, chăn nuôi quy mô lớn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ,...

III. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 6569/UBND-KTTH ngày 05/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh và Kế hoạch này để tham mưu tổ chức thực hiện.

2. Định kỳ *trước ngày 01 tháng 10 hằng năm* hoặc theo yêu cầu đột xuất, tiến hành rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi, các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Công văn số 6569/UBND-KTTH ngày 05/12/2024 và kế hoạch này, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*thông qua Phòng Kế hoạch, Tài chính*) để báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- GD, các PGD Sở;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT, KH-TC_{Ngoc}.

GIÁM ĐỐC

Hồ Trọng Phương

